

Thời gian: 45 phút

(Không kể thời gian giao đề)

Phần I: Trắc nghiệm (3.0 điểm, mỗi câu 0.5 điểm)

Chọn đáp án đúng nhất

Câu 1: Nghề nghiệp là gì?

- A. Là tập hợp các công việc trong một lĩnh vực hoạt động lao động, được xã hội công nhận và thường gắn bó lâu dài với mỗi người
- B. Là tập hợp các công việc được xã hội công nhận.
- C. Là tập hợp các công việc trong ba lĩnh vực hoạt động lao động của con người.
- D. Là tập hợp các công việc trong bốn lĩnh vực hoạt động lao động của con người.

Câu 2: Để làm được các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ cần đạt yêu cầu về phẩm chất là nào nhất?

- A. Cần cù, chăm chỉ, trung thực.
- B. Có khả năng làm việc độc lập.
- C. Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ
- D. Đủ sức khỏe để làm việc lâu dài.

Câu 3: Yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp:

- A. Năng lực
- B. Nhà trường
- C. Bạn bè
- D. Xã hội

Câu 4: Thị trường lao động có vai trò như thế nào trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

- A. Thị trường lao động không ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực này.
- B. Giúp người học định hướng lựa chọn ngành nghề, trình độ đào tạo phù hợp với năng lực.
- C. Thị trường lao động chỉ ảnh hưởng đến việc tuyển dụng người lao động, không định hướng nghề nghiệp.
- D. Giúp người lao động không có cơ hội được tuyển dụng vào vị trí việc làm phù hợp năng lực.

Câu 5: Nghề nghiệp nào sau đây thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

- A. Biên tập viên.
- B. Kỹ sư hóa học.
- C. Tiếp viên hàng không.
- D. Nhân viên bán hàng điện tử.

Câu 6: Yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động trong nước:

- A. Giá cả thị trường
- B. Thời tiết
- C. Tiền trượt giá
- D. Nhu cầu lao động

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1(2 điểm): Việc chọn lựa đúng đắn nghề nghiệp có ý nghĩa như thế nào đối với cá nhân người lao động?

Câu 2 (2,0 điểm).

Em hãy cho biết các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ của hệ thống giáo dục.

Câu 3 (3,0 điểm). Trình bày những vấn đề cơ bản của thị trường lao động hiện nay ở Việt Nam.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ GIỮA KÌ II

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm) Mỗi câu đúng được (0,5đ)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	A	B	B	D

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Biểu điểm
Câu 1(2đ)	* Việc chọn lựa đúng đắn nghề nghiệp có ý nghĩa đối với cá nhân người lao động như : - Phù hợp với sở thích, đam mê và hài lòng trong công việc - Tăng khả năng làm việc - Tăng năng suất lao động - Đạt được thành công trong tương lai - Góp phần cho sự phát triển của xã hội	2
Câu 2(2đ)	* Cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ của học sinh có thể thực hiện ở cả hai thời điểm phân luồng. - Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể lựa chọn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo các nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ trình độ sơ cấp và trung cấp. Học sinh cũng có thể lựa chọn vào học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình giáo dục trung học phổ thông, vừa học các nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ trình độ sơ cấp.	1
	- Đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, các em có thể lựa chọn học các nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, chương trình đào tạo nghề nghiệp khác đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất và dịch vụ, trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học.	1

Câu 3 (3,0 điểm)	Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam là: - Xu hướng tuyển dụng người lao động đã qua đào tạo, có kinh nghiệm chiếm tỉ lệ rất cao. - Xu hướng nguồn cung lao động lớn hơn nhu cầu tuyển dụng - Chất lượng lao động thấp, lao động phân bố không đồng đều ở các lĩnh vực và trình độ đào tạo	3
---	---	-----------------

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ								Tổng số câu	
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Định hướng nghề nghiệp	1.1.Ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ		0,5	2					0,5		1
	1.2.Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân		1	2							1
	1.3.Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam			2			2				2
Điểm		4		3		2		1			
Tỉ lệ %		30		40		20		10		30	70
Tổng điểm		10									